

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2021/HS-PT

Ngày: 02-7-2021

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* bà Quách Tố Giang.

*Các Thẩm phán:* bà Nguyễn Thị Minh Phượng; ông Khuru Đễ Dành.

**- Thư ký phiên tòa:** ông Ngô Huỳnh Đức – Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:** ông Nguyễn Thành Năng – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 7 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử công Gi vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 70/2021/TLPT-HS ngày 19/5/2021 đối với bị cáo A, do có kháng cáo của bị cáo A đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 15/2021/HS-ST ngày 09/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện E, tỉnh An Giang.

**- Bị cáo có kháng cáo:**

A, sinh ngày 28/12/1998; nơi sinh: huyện E, tỉnh An Giang; nơi cư trú: tổ 28, ấp M, xã N, huyện E, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Khơ-me; giới tính: nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông M và bà T; chưa có vợ và con; tiền án: không, tiền sự: không; nhân thân: từ nhỏ sống với gia đình, đi học hết lớp 6 nghỉ học, làm thuê cho đến ngày phạm tội; bị cáo tại ngoại; có mặt tại phiên tòa.

**- Bị hại:** ông B, sinh năm 1987; nơi cư trú: ấp M, xã N, huyện E, tỉnh An Giang (đã chết).

**- Người đại diện hợp pháp của bị hại:** bà C, sinh năm 1992; nơi cư trú: Khóm 2, thị trấn O, huyện Y, tỉnh An Giang, vắng mặt.

**- Người làm chứng:**

1. Bà D, sinh năm 1950, có mặt;
2. Ông H, sinh năm 1995, vắng mặt;
3. Ông Đ, sinh năm 1968, vắng mặt;

4. Ông E, sinh năm 1981, vắng mặt;

5. Ông G, sinh năm 1989, vắng mặt.

- *Người phiên dịch*: ông Chau Chanh Kê, chức vụ: Phó Trưởng phòng Quản lý biên giới, Sở Ngoại vụ tỉnh An Giang, có mặt.

(Trong vụ án, bị cáo kháng cáo; người đại diện hợp pháp của bị hại không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 04/10/2020, B rủ A đến xã T, huyện E, tỉnh An Giang để gặp G ứng 2.000.000 đồng tiền công do B và A làm thuê cho G. Sau đó, B và A đến quán N, thuộc ấp R, xã T, huyện E, tỉnh An Giang để uống bia cùng H (Đen). Đến khoảng 22 giờ cùng ngày, B tính tiền ra về nhưng không đủ tiền nên A để xe mô tô biển số 67D2-021.22 của A lại cho chủ quán quản lý. Sau đó B điều khiển xe mô tô biển số 67F1-332.18 chở A qua đò chợ T đi về nhà. Khi xuống đò, do B bị tê tay nên A (không có giấy phép lái xe hạng A1) điều khiển xe chở B trên Quốc lộ 91 và chạy theo hướng D-X. Khi đến khu vực giao nhau với tuyến tránh Quốc lộ 91, thuộc ấp M, xã N, huyện E; do sử dụng rượu bia (nồng độ còn trong máu đạt mức 2,79g/l), kém quan sát, không làm chủ tay lái; A điều khiển xe đụng vào dải phân cách, làm B tử vong, A bị thương tích đưa đi cấp cứu.

Căn cứ Phiếu kết quả xét nghiệm nồng độ cồn ngày 05/10/2020 của Bệnh viện đa khoa trung tâm An Giang xác định: Nồng độ cồn trong máu của A là 2,79g/lít).

Căn cứ Biên bản khám nghiệm hiện trường, Biên bản khám nghiệm tử thi và Biên bản khám phương tiện ngày 05/10/2020 của Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện E: ghi nhận phù hợp với nội dung vụ án. Biên bản kết luận giám định pháp y về tử thi số 182/20/TT ngày 05/10/2020 của Trung tâm pháp y tỉnh An Giang kết luận: B sinh năm 1987; nơi cư trú: Ấp M, xã N, huyện E, tỉnh An Giang nguyên nhân chết: Gãy trật cột sống cổ - chèn ép tủy.

Căn cứ Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 48/KL.HĐ ĐGTS ngày 09/12/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện E, kết luận: Xe mô tô biển kiểm soát 67F1 -332.18 bị hư hỏng trong vụ tai nạn giao thông cần thay thế các phụ tùng, giá trị tài sản trong vụ “vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” xảy ra ngày 04/10/2020 là 8.335.000 đồng.

Lời khai đại diện hợp pháp của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng: C, D, Đ, E, G phù hợp với nội dung vụ án. Sau khi gây tai nạn, bị can A đã thỏa thuận khắc phục hậu quả cho bà C (đại diện hợp pháp của người bị hại B) số tiền 10.000.000đồng; Bà C đã nhận đủ số tiền

theo thỏa thuận. Đồng thời, bà C không yêu cầu xử lý hình sự, cũng như trách nhiệm dân sự đối với bị can A.

Tại Cơ quan điều tra, bị can A khai nhận hành vi phạm tội phù hợp lời khai của người đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

Căn cứ vào các tình tiết và chứng cứ nêu trên, Viện kiểm sát nhân dân huyện E kết luận: A đã có hành vi điều khiển xe mô tô khi không có giấy phép lái xe; trong tình trạng có sử dụng rượu, bia (nồng độ còn trong máu là 2,79g/lít, vượt mức cho phép); kém quan sát, không làm chủ tay lái đụng vào dải phân cách gây tai nạn làm B tử vong. Hành vi của A đã vi phạm khoản 8, khoản 9 Điều 8 Luật giao thông đường bộ. Vì vậy, A phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi này.

Cáo trạng số 09/CT-VKSCP ngày 04/02/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện E truy tố bị cáo A về tội Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ theo điểm a, b khoản 2 Điều 260 của Bộ luật hình sự.

Bản án hình sự sơ thẩm số 15/2021/HS-ST ngày 09/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện E đã quyết định:

Căn cứ vào điểm a, b khoản 2 Điều 260; điểm b, s khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Tuyên bố bị cáo A phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”

Xử phạt bị cáo A 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 12/4/2021, bị cáo A kháng cáo xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

*Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa phát biểu quan điểm về vụ án và đề xuất với Hội đồng xét xử:*

Về thủ tục kháng cáo: đơn kháng cáo của bị cáo có nội dung, yêu cầu rõ ràng, trong hạn luật định nên đủ điều kiện để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Về nội dung: quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, cũng như tại phiên tòa phúc thẩm, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với nội dung vụ án, lời khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, kết luận giám định, tài liệu, vật chứng khác. Cho thấy, bị cáo A điều khiển xe mô tô khi không có giấy phép lái xe; trong tình trạng có sử dụng rượu, bia (nồng độ còn trong máu là

2,79g/lít, vượt mức cho phép); kém quan sát, không làm chủ tay lái, điều khiển xe đụng vào dải phân cách, làm B tử vong.

Hành vi của bị cáo A đã vi phạm khoản 9 Điều 8 Luật giao thông đường bộ và khoản 1 Điều 35 Luật phòng, chống tác hại của rượu, bia, đủ yếu tố cấu thành tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội danh này theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 260 Bộ luật hình sự là có căn cứ.

Xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo 03 năm tù là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo.

Giai đoạn phúc thẩm, bị cáo kháng cáo nhưng không cung cấp tình tiết giảm nhẹ mới nên không thể xem xét giảm nhẹ hình phạt. Nhưng xem xét, bị hại và bị cáo cùng đi làm chung, bị hại biết bị cáo không có giấy phép lái xe nhưng vẫn giao xe cho bị cáo điều khiển. Bị cáo có bị thương ở chân, đến nay vẫn chưa đi lại bình thường. Mặt khác, bị cáo có nhân thân tốt, từ khi tuyên án sơ thẩm đến nay, luôn chấp hành pháp luật, có khả năng tự cải tạo, đủ điều kiện xem xét áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự.

Bởi các lẽ trên, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ điểm b, khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện E; áp dụng điểm a, b khoản 2 Điều 260, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo A 03 năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 05 năm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã N giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận. Nói lời sau cùng, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo hưởng án treo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Phiên tòa sơ thẩm xét xử và tuyên án vào ngày 09/4/2021. Ngày 12/4/2021, bị cáo A kháng cáo. Căn cứ khoản 1 Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, bị cáo kháng cáo trong hạn luật định nên chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Người đại diện hợp pháp của bị hại vắng mặt, nhưng đã có lời khai rõ ràng tại hồ sơ vụ án nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét hành vi phạm tội của bị cáo:

Bị cáo A đã điều khiển xe mô tô biển số 67F1-332.18 chở B, trong khi nồng độ cồn trong máu là 2,79g/lít, không có giấy phép lái xe, dẫn đến không làm chủ tay lái, xe đụng vào dải phân cách, hậu quả làm B tử vong.

Hành vi của bị cáo A đã đủ yếu tố cấu thành tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” với 02 tình tiết định khung quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 260 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai tại giai đoạn sơ thẩm, lời khai người làm chứng, người đại diện hợp pháp của bị hại, kết luận giám định, các tài liệu, vật chứng trong hồ sơ vụ án.

Từ đó cho thấy, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

#### [2.2] Xét kháng cáo của bị cáo:

Bị cáo bị xét xử về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 260 Bộ luật hình sự, có khung hình phạt từ 03 năm đến 10 năm tù. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 (do bị cáo tự nguyện bồi thường thiệt hại về tài sản cho người đại diện hợp pháp của bị hại, thành khẩn khai báo) khoản 2 (người đại diện hợp pháp của bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo) Điều 51 Bộ luật hình sự. Từ đó, cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo 03 năm tù, mức thấp nhất của khung hình phạt quy định tại khoản 2 Điều 260 Bộ luật hình sự.

Tại đơn kháng cáo, bị cáo đã nhận thấy sai phạm và mức án 03 năm tù là tương xứng nên không kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, mà xin xem xét hoàn cảnh nhân thân để cho bị cáo hưởng án treo theo quy định.

Xét thấy: bị cáo bị xử phạt tù không quá 03 năm, có nhân thân tốt, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo và việc cho bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Mặt khác, sau khi tai nạn xảy ra, bị cáo đã bị gãy 1/3 dưới xương chày + xương mác, đã bó bột, nhưng đến nay vẫn chưa đi lại bình thường. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự, cho bị cáo được hưởng án treo, để bị cáo tự cải tạo, tuân thủ pháp luật, trở thành công dân tốt, giúp ích cho gia đình và xã hội.

[3] Về án phí hình sự phúc thẩm: do kháng cáo được chấp nhận nên căn cứ điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các phần quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số 15/2021/HS-ST ngày 09/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện E, tỉnh An Giang không có

kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo A.

Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 15/2021/HS-ST ngày 09 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện E, tỉnh An Giang.

Tuyên bố bị cáo A phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

Áp dụng điểm a, b khoản 2 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo A 03 (ba) năm tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 05 (năm) năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm (02/7/2021).

Giao người được hưởng án treo A cho Ủy ban nhân dân xã N, huyện E, tỉnh An Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình của người được hưởng án treo A có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục người được hưởng án treo.

Trong trường hợp, người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về án phí hình sự phúc thẩm: bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các phần quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số 15/2021/HS-ST ngày 09/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện E, tỉnh An Giang không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*(đã giải thích quy định về án treo cho bị cáo A)*

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận:***

- TAND cấp cao tại TP. HCM (1);
- VKSND tỉnh An Giang (2);
- TAND huyện E (1);
- Công an huyện E (1);
- Chi cục THADS huyện E (1);
- Bị cáo (1);
- Đại diện bị hại (1);
- Phòng KTNV và THA (1);
- Sở Tư pháp (1);
- UBND xã N, huyện E (1);
- Văn phòng (1);
- Tòa Hình sự (1);
- PV 10, 26 (1);
- Lưu: hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHỨC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Quách Tố Giang**